

Thông tin tuyển sinh Đại học Bách khoa – ĐHQG TPHCM 2025

Năm 2025, trường ĐHBK – ĐHQG TPHCM tuyển sinh dựa trên 3 phương thức xét tuyển khác nhau.

Năm 2025, Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG-HCM dự kiến tuyển sinh 41 ngành đào tạo bậc đại học chính quy với khoảng 5.550 chỉ tiêu.

Mã tuyển sinh	TÊN NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
A. CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN			
106	Khoa học Máy tính (Chuyên ngành: Khoa học Máy tính, Công nghệ Dữ liệu và Dữ liệu lớn, An ninh Hệ thống và Mạng, Trí tuệ Nhân tạo, Công nghệ Phần mềm)	240	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
107	Kỹ thuật Máy tính (Chuyên ngành: Kỹ thuật Máy tính, Hệ thống Tính toán Nâng cao, Internet Vạn vật, Thiết kế Vi mạch số)	100	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
108	Điện - Điện tử - Viễn Thông - Tự động hoá - Thiết kế vi mạch (Nhóm ngành: Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Thiết kế Vi mạch)	670	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
109	Kỹ Thuật Cơ khí (Chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Thiết kế khuôn; Kỹ thuật Chế tạo; Kỹ thuật Thiết kế)	300	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
110	Kỹ Thuật Cơ Điện tử (Chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ điện tử, Kỹ thuật Robot)	105	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
112	Dệt - May (Ngành/chuyên ngành: Công nghệ Dệt, May; Công nghệ May - Thời trang; Kỹ thuật Dệt; Công nghệ Sợi dệt)	90	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
128	Logistics và Hệ thống Công nghiệp (Nhóm ngành: Logistics và Quản lý Chuỗi Cung ứng; Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp)	70	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}

140	Kỹ thuật Nhiệt (Chuyên ngành Kỹ thuật Nhiệt lạnh; Kỹ thuật nhiệt)	80	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
114	Hoá - Thực phẩm - Sinh học (Chuyên ngành: Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Sinh học; Kỹ thuật Hóa học, Công nghệ Hóa dược, Công nghệ Mỹ phẩm)	330	Toán, Hoá, {Sinh, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Sinh, Anh
115	Xây dựng và Quản lý Dự án Xây dựng (Ngành/Chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông; Kỹ thuật Xây dựng Công trình Thủy; Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển; Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng; Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ; Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng; Kỹ thuật Xây dựng/Kỹ thuật Xây dựng, Quản lý Dự án Xây dựng)	470	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
117	Kiến Trúc (Chuyên ngành: Kiến trúc, Kiến trúc Cảnh quan)	90	Toán, Lý, {Anh, Công nghệ} Toán, Văn, {Anh, Công nghệ}
148	Kinh tế Xây dựng	120	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
120	Dầu khí - Địa chất (Nhóm ngành: Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa chất)	90	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ}
147	Địa Kỹ thuật Xây dựng	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ}
129	Kỹ thuật Vật liệu (Chuyên ngành: Kỹ thuật Vật liệu, Kỹ thuật Vật liệu Kim Loại, Kỹ thuật Vật liệu Năng lượng, Kỹ thuật Vật liệu Polyme, Kỹ thuật Vật liệu Silicat)	180	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ} Toán, Hoá, {Sinh, Anh, Công nghệ}
137	Vật lý Kỹ thuật (Chuyên ngành: Kỹ thuật Y sinh, Vật lý Tính toán, Vật lý Kỹ thuật)	50	Toán, Lý, {Sinh, Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
138	Cơ Kỹ thuật	50	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}

146	Khoa học Dữ liệu	30	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
142	Kỹ thuật Ô tô	90	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
145	(Song ngành) Tàu thủy - Hàng không (<i>Ngành Kỹ thuật Tàu thủy, Kỹ thuật Hàng không</i>)	60	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
123	Quản lý Công nghiệp (<i>Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành</i>)	80	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Anh, {Văn, Hoá, Tin, Công nghệ}
153	Quản trị Kinh doanh (Ngành mới)	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Anh, {Văn, Hoá, Tin, Công nghệ}
125	Tài nguyên và Môi trường (<i>Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý và Công nghệ Môi trường, Kỹ thuật Môi trường</i>)	120	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ} Toán, Hoá, {Sinh, Anh, Công nghệ}
141	Bảo dưỡng Công nghiệp	110	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
B. CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN (GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)			
208	Kỹ thuật Điện - Điện tử (<i>Chuyên ngành: Vi mạch – Hệ thống Phần cứng, Hệ thống Năng lượng, Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa, Hệ thống Viễn thông</i>)	150	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
C. CHƯƠNG TRÌNH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH			
206	Khoa học Máy tính (<i>Chuyên ngành: Khoa học Máy tính, Công nghệ Dữ liệu và Dữ liệu lớn, An ninh Hệ thống và Mạng, Trí tuệ Nhân tạo, Công nghệ Phần mềm</i>)	130	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}

207	Kỹ thuật Máy tính (Chuyên ngành: Kỹ thuật Máy tính, Hệ thống Tính toán Nâng cao, Internet Vạn vật, Thiết kế Vi mạch số)	80	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
258	Thiết kế Vi mạch (Ngành mới)	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
257	Năng lượng Tái tạo (Ngành mới) (Chuyên ngành của ngành Kỹ thuật Điện)	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
209	Kỹ thuật Cơ khí (Chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Thiết kế khuôn; Kỹ thuật Chế tạo; Kỹ thuật Thiết kế)	50	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
210	Kỹ thuật Cơ Điện tử	50	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
211	Kỹ thuật Robot (Chuyên ngành của ngành Kỹ thuật Cơ Điện tử)	50	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
214	Kỹ thuật Hóa học (Chuyên ngành: Kỹ thuật Hóa học; Công nghệ Hóa dược; Công nghệ Mỹ phẩm)	150	Toán, Hoá, {Sinh, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Sinh, Anh
218	Công nghệ Sinh học	40	Toán, Sinh, {Hóa, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Hóa, Anh
254	Công nghệ Sinh học số (Ngành mới) (Chuyên ngành của ngành Công nghệ Sinh học)	40	Toán, Sinh, {Hóa, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Hóa, Anh
219	Công nghệ Thực phẩm	40	Toán, Hoá, {Sinh, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Sinh, Anh
215	Quản lý Dự án Xây dựng và Kỹ thuật Xây dựng (Chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng, Quản lý Dự án Xây dựng; Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông)	120	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}

217	Kiến trúc Cảnh quan (Chuyên ngành của ngành Kiến trúc)	45	Toán, Lý, {Anh, Công nghệ} Toán, Văn, {Anh, Công nghệ}
220	Kỹ thuật Dầu khí	55	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ}
223	Quản lý Công nghiệp (Chuyên ngành: Quản lý Công nghiệp, Quản lý Chuỗi Cung ứng & Vận hành)	90	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Anh, {Văn, Hoá, Tin, Công nghệ}
253	Kinh doanh số (Ngành mới) (Chuyên ngành của ngành Quản trị Kinh doanh)	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Anh, {Văn, Hoá, Tin, Công nghệ}
225	Tài nguyên và Môi trường (Nhóm ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật Môi trường)	60	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ} Toán, Hoá, {Sinh, Anh, Công nghệ}
255	Kinh tế Tuần hoàn (Ngành mới) (Chuyên ngành của ngành Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên)	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ} Toán, Hoá, {Sinh, Anh, Công nghệ}
228	Logistics và Hệ thống Công nghiệp (Nhóm ngành: Logistics và Quản lý Chuỗi Cung ứng, Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp)	60	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
229	Kỹ thuật Vật liệu	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Công nghệ} Toán, Hoá, {Sinh, Anh, Công nghệ}
237	Kỹ thuật Y sinh (Chuyên ngành của ngành Vật lý Kỹ thuật)	30	Toán, Lý, {Sinh, Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}

242	Kỹ thuật Ô tô	50	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
245	Kỹ thuật Hàng không	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
D. CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG NHẬT BẢN			
266	Khoa học Máy tính <i>(Chuyên ngành: Khoa học Máy tính, Công nghệ Dữ liệu và Dữ liệu lớn, An ninh Hệ thống và Mạng, Trí tuệ Nhân tạo, Công nghệ Phần mềm)</i>	40	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
268	Cơ Kỹ thuật	30	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
E1. CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP QUỐC TẾ (ÚC, MỸ, NEW ZEALAND)			
306	Khoa học Máy tính Úc, New Zealand, Mỹ	20	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
307	Kỹ thuật Máy tính Úc, New Zealand	10	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
308	Kỹ thuật Điện - Điện tử Úc, Hàn Quốc	20	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
309	Kỹ thuật Cơ khí Mỹ, Úc	10	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
310	Kỹ thuật Cơ Điện tử Mỹ, Úc	10	Toán, Lý, {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
314	Kỹ thuật Hóa học Úc	30	Toán, Hoá, {Sinh, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Sinh, Anh

315	Kỹ thuật Xây dựng Úc	10	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
319	Công nghệ Thực phẩm New Zealand	10	Toán, Hoá , {Sinh, Lý, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Sinh, Anh
323	Quản lý Công nghiệp Úc	10	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ} Toán, Anh , {Văn, Hoá, Tin, Công nghệ}
325	Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Tài nguyên & Môi trường Úc	5	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Công nghệ} Toán, Hoá , {Sinh, Anh, Công nghệ}
342	Kỹ thuật Ô tô Úc	5	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
345	Kỹ thuật Hàng không Úc	5	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
E2. CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT CỬ NHÂN KỸ THUẬT QUỐC TẾ			
406	Trí tuệ Nhân tạo ĐH Công nghệ Sydney (Úc) cấp bằng (<i>Chuyên ngành của ngành Khoa học Máy tính</i>)	100	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}
416	Công nghệ Thông tin ĐH Công nghệ Sydney (Úc) cấp bằng (<i>Chuyên ngành của ngành Khoa học Máy tính</i>)	100	Toán, Lý , {Hoá, Anh, Tin, Công nghệ}

2. TỔ HỢP XÉT TUYỂN NĂM 2025

Môn 1, Môn 2, {danh sách các môn còn lại}

Trong đó: 02 môn in đậm là môn bắt buộc trong tổ hợp, 01 trong các môn còn lại trong dấu ngoặc là môn tự chọn.

Ví dụ: **Toán, Vật Lý**, {Hoá học, Tiếng Anh, Công nghệ}

- Toán, Vật Lý, Hoá học
- Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
- Toán, Vật Lý, Công nghệ

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình Tiêu chuẩn

Đào tạo 41 ngành/ chuyên ngành (các ngành tuyển sinh theo nhóm ngành sẽ phân ngành từ năm thứ 2 theo kết quả học tập), giảng dạy bằng tiếng Việt, học phí khoảng 15 triệu đồng/HK, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Dĩ An.

Chương trình Dạy và học bằng tiếng Anh

Đào tạo 27 ngành/ chuyên ngành (gồm 05 ngành/ chuyên ngành mới), dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, học phí khoảng 40 triệu đồng/HK, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt. Chuẩn tiếng Anh đầu vào đạt IELTS (Academic) ≥ 6.0 / TOEFL iBT ≥ 79 / TOEIC Nghe - Đọc ≥ 730 & Nói - Viết ≥ 280 . Bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp.

Chương trình Liên kết Cử nhân Kỹ thuật Quốc tế

Đào tạo ngành Trí tuệ Nhân tạo và ngành Công nghệ Thông tin, dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, theo chương trình đào tạo của ĐH Công nghệ Sydney, giảng viên ĐH đối tác và trường Đại học Bách khoa cùng giảng dạy. Học phí khoảng 128 triệu đồng/HK, kế hoạch đào tạo 3 năm, địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt. Chuẩn tiếng Anh đầu vào đạt IELTS (Academic) ≥ 6.5 hoặc tương đương (*Chi tiết xem tại Chuẩn đầu vào tiếng Anh*). Bằng tốt nghiệp do ĐH Công nghệ Sydney cấp.

Chương trình Tài năng

Đào tạo 15 nhóm ngành/ ngành, dạy bằng tiếng Việt (dựa trên chương trình Tiêu chuẩn với các môn cốt lõi dành cho chương trình Tài năng), kế hoạch đào tạo 4 năm, học phí khoảng 15 triệu đồng/HK, xét tuyển sinh viên có thành tích học tập xuất sắc sau học kỳ 2 (năm nhất).

Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp (PFIEV)

Đào tạo 8 chuyên ngành kỹ sư hợp tác với 8 trường kỹ sư danh tiếng tại Pháp, học tập bằng tiếng Việt, học phí khoảng 15 triệu đồng/HK, xét tuyển tân sinh viên đã trúng tuyển (không phân biệt mã ngành), kế hoạch đào tạo 5 năm, địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt. Bằng kỹ sư - thạc sĩ do trường ĐH Bách khoa cấp (được công nhận tương đương bậc thạc sĩ Châu Âu), phụ lục bằng kỹ sư với trường đối tác Pháp.

Cách đăng ký xét tuyển Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao Việt - Pháp (PFIEV) >>> Xem tại đây

Chương trình Tiên tiến

Đào tạo ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử, dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, giáo trình chuyên giao từ ĐH Illinois Urbana Champaign, được cải tiến qua các năm để phù hợp với thực

tiền, học phí khoảng 40 triệu đồng/HK, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt. Chuẩn tiếng Anh đầu vào đạt IELTS (Academic) ≥ 6.0 / TOEFL iBT ≥ 79 / TOEIC Nghe - Đọc ≥ 730 & Nói - Viết ≥ 280 . Bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp.

Chương trình Định hướng Nhật Bản

Đào tạo ngành Khoa học Máy tính và ngành Cơ Kỹ thuật, dạy chuyên môn theo chương trình Tiêu chuẩn kết hợp đào tạo tiếng Nhật giao tiếp - chuyên ngành (1.200 giờ) và văn hóa Nhật, một số môn chuyên ngành ở năm thứ 3 và 4 do các giáo sư Nhật dạy bằng tiếng Nhật, học phí khoảng 30 triệu đồng/HK, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt. Bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp, có triển vọng làm việc lâu dài tại các tập đoàn Nhật, đãi ngộ như kỹ sư Nhật.

Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế (Úc, Mỹ, New Zealand)

Đào tạo 13 ngành/ chuyên ngành, dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh; 2-2,5 năm đầu - địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt, học phí khoảng 40 triệu đồng/HK; 2-2,5 năm cuối - chuyển tiếp sang ĐH đối tác, học phí khoảng 560 - 900 triệu đồng/năm. Chuẩn tiếng Anh đầu vào đạt IELTS (Academic) ≥ 6.0 / TOEFL iBT ≥ 79 / TOEIC Nghe - Đọc ≥ 730 & Nói - Viết ≥ 280 , chuẩn tiếng Anh chuyển tiếp đạt IELTS (Academic) ≥ 6.0 -6.5/ TOEFL iBT ≥ 79 -83. Bằng tốt nghiệp do Đại học đối tác cấp.

Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế (Nhật Bản)

Đào tạo ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử; 2,5 năm đầu - địa điểm học tại Cơ sở Lý Thường Kiệt, dạy chuyên môn theo chương trình Tiêu chuẩn, đào tạo tiếng Nhật liên tục trong tuần, học phí khoảng 30 triệu đồng/HK, 2 năm cuối - chuyển tiếp sang ĐH đối tác Nhật, học phí khoảng 91 triệu đồng/năm (theo tỷ giá ngoại tệ tháng 2/2025); xét tuyển tân sinh viên chương trình Tiêu chuẩn ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử. Trình độ tiếng Nhật chuyển tiếp tương đương JLPT $\geq N2$. Bằng tốt nghiệp do ĐH đối tác Nhật cấp. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt 99.5%, cơ hội học tiếp bậc Sau ĐH (thạc sĩ, tiến sĩ) tại Nhật thuận lợi.

4. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng một hoặc nhiều phương thức xét tuyển khác nhau như sau:
- **Xét tuyển thẳng** theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, 1% ~ 5% tổng chỉ tiêu.
- **Xét tuyển Tổng hợp** bao gồm các tiêu chí về học lực (kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM, kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT, kết quả quá trình học tập THPT), năng lực khác và hoạt động xã hội, 95% ~ 99% tổng chỉ tiêu.
- **Đối tượng dự tuyển đối với các chương trình: Chương trình Tiêu chuẩn, Chương trình Dạy và học bằng Tiếng Anh, Chương trình Tiên tiến, Chương trình Định hướng Nhật bản:**

- Đối tượng 1: Thí sinh CÓ kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025
- Đối tượng 2: Thí sinh KHÔNG CÓ kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025
- Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài
- Đối tượng 4: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam, dùng chứng chỉ tuyển sinh quốc tế
- **Đối tượng dự tuyển đối với Chương trình Chuyển tiếp quốc tế:**
- Đối tượng 5: Thí sinh dự tính du học nước ngoài theo Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế sang các trường đại học đối tác tại Úc, Mỹ, New Zealand
- **Đối tượng dự tuyển đối với Chương trình Liên kết Cử nhân Kỹ thuật Quốc tế giữa Trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM và Đại học Công nghệ Sydney UTS, Úc (TNE):**
- Đối tượng 6: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam
- Đối tượng 7: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài
- Đối tượng 8: Thí sinh sử dụng chứng chỉ tuyển sinh quốc tế SAT I

LƯU Ý:

Nếu thí sinh có nhiều hơn một đối tượng xét tuyển (đã nêu trên) hoặc tổ hợp thì lấy điểm xét tuyển cao nhất trong các điểm xét tuyển của từng đối tượng/tổ hợp làm điểm xét tuyển của thí sinh.

Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc Chương trình Day & học bằng tiếng Anh, Tiên tiến, Chuyển tiếp Quốc tế Úc/ Mỹ/ New Zealand, Liên kết Cử nhân Kỹ thuật Quốc tế, thí sinh phải đáp ứng chuẩn đầu vào tiếng Anh.

Thí sinh có chứng chỉ IELTS Academic ≥ 5.0 / TOEFL iBT ≥ 46 / TOEIC Nghe - Đọc ≥ 460 & Nói - Viết ≥ 200 sẽ **được quy đổi** sang điểm tương ứng của môn tiếng Anh trong điểm thi tốt nghiệp THPT và học bạ THPT đối với các tổ hợp xét tuyển có dùng môn tiếng Anh >> **Bảng quy đổi điểm môn tiếng Anh trong học bạ và điểm thi THPT.**

CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH

Áp dụng cho các CT Day & học bằng tiếng Anh, Tiên tiến, Chuyển tiếp Quốc tế Úc/ Mỹ/ New Zealand

1. Yêu cầu tối thiểu: IELTS Academic 6.0/ TOEFL iBT 79/ TOEIC Nghe-Đọc 730 & Nói-Viết 280
2. Trường hợp đạt IELTS Academic 5.5/ TOEFL iBT 60/ TOEIC Nghe-Đọc 590 & Nói-Viết 230, Duolingo 95, Linguaskill và FCE 167, PTE 42, CAE 180:

Thí sinh được xét tạm trúng tuyển các chương trình trên.

Thí sinh phải bổ sung chứng chỉ đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào trong vòng 01 học kỳ.

Lưu ý: Nhà trường chỉ chấp nhận các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế học thuật (Academic) còn hiệu lực.

Áp dụng cho Chương trình Liên kết Cử nhân Kỹ thuật Quốc tế (TNE): thí sinh phải đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào (còn hiệu lực) thỏa 01 trong các điều kiện sau:

- IELTS (Academic): 6.5 (phần kỹ năng Viết đạt từ 6.0)
- TOEFL iBT: 79 (phần kỹ năng Viết đạt từ 21);
- Pearson PTE: 58 (phần kỹ năng Viết đạt từ 50);
- Cambridge C1A/C2P: 176 (phần kỹ năng Viết đạt từ 169);
- UTS College AE5: Đạt.

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường

Chỉ tiêu: 1% - 5% tổng chỉ tiêu

Đối tượng 1 (quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh năm 2022): Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình của trường

Đối tượng 2 (quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh năm 2022): Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; đã tốt nghiệp THPT được đăng ký tuyển thẳng vào đại học theo các nhóm ngành/ngành phù hợp các môn đoạt giải/dự thi như sau:

Môn thi Học sinh giỏi Quốc Gia	Ngành/nhóm ngành được tuyển thẳng năm 2025
Toán	Tất cả các ngành/nhóm ngành
Vật lý	Tất cả các ngành/nhóm ngành (Trừ nhóm ngành Hóa – Thực phẩm – Sinh học)
Hóa học	Kỹ thuật Vật liệu; Nhóm ngành Hóa - Thực phẩm - Sinh học; Nhóm ngành Môi trường; Nhóm ngành Kỹ thuật Dệt – Công nghệ May; Kỹ thuật Cơ khí;

Môn thi Học sinh giỏi Quốc Gia	Ngành/nhóm ngành được tuyển thẳng năm 2025
	Kỹ thuật Cơ Điện tử; Nhóm ngành Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi Cung ứng; Kỹ Thuật Nhiệt (Nhiệt Lạnh).
Sinh học	Nhóm ngành Hóa - Thực phẩm - Sinh học
Tin học	Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin; Nhóm ngành Kỹ thuật Dệt – Công nghệ May; Kỹ thuật Cơ khí; Kỹ thuật Cơ Điện tử; Nhóm ngành Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi Cung ứng; Kỹ Thuật Nhiệt (Nhiệt Lạnh); Vật lý Kỹ thuật; Cơ kỹ thuật.
Tất cả môn học có tổ chức thi Học sinh giỏi Quốc gia	Ngành Quản lý Công nghiệp

Đối tượng 3 (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh năm 2022): Thí sinh đoạt giải các kỳ thi Khoa học Kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; đã tốt nghiệp THPT được đăng ký tuyển thẳng vào đại học theo các nhóm ngành/ngành phù hợp các môn đoạt giải/dự thi. Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ quyết định ngành/nhóm ngành được tuyển thẳng khi căn cứ vào đề tài đoạt giải.

Đối tượng 4 (quy định tại Điểm b, c, Khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh năm 2022): Hội đồng tuyển sinh Trường xem xét, quyết định cho nhập học đối với các trường hợp xét tuyển thẳng sau: Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo theo điểm b, c khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và có trung bình cộng các điểm trung bình các môn (theo tổ hợp xét tuyển) của các năm lớp 10, 11, 12 từ 8.0 trở lên.

Đối tượng 5 (quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh năm 2025 ban hành theo Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025): áp dụng đối với thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài, đăng ký dự tuyển vào các chương trình Dạy và học bằng tiếng Anh, Tiên tiến và đáp ứng các điều kiện sau:

- Có **điểm trung bình học tập (GPA) của 3 năm THPT** đạt từ 2.5 (theo thang điểm 4) hoặc từ 65% trở lên (theo thang điểm 100).
- Nếu chương trình THPT nước ngoài yêu cầu chứng chỉ tuyển sinh quốc tế để đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 thì thí sinh phải có chứng chỉ tuyển sinh quốc tế (còn thời hạn trong vòng 02 năm) thỏa 01 trong các điều kiện sau:
 - SAT I từ 1184 điểm;
 - ACT từ 24 điểm;
 - IB (International Baccalaureate) từ 26 điểm;
 - A-Level đạt từ mức C trở lên
 - Trường hợp thí sinh sử dụng các chứng chỉ quốc tế không nằm trong danh sách nêu trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và đánh giá cụ thể theo từng trường hợp.

Số lượng nguyện vọng đăng ký: mỗi thí sinh chỉ nộp 01 bộ hồ sơ, không giới hạn số nguyện vọng

NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Hội đồng tuyển sinh trường xem xét các hồ sơ xét tuyển thẳng và quyết định danh sách trúng tuyển.
- Các hồ sơ xét tuyển thẳng hợp lệ được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống theo các giải đạt được (diện đạt giải học sinh giỏi quốc gia, giải khoa học kỹ thuật quốc gia) và các điểm trung bình các môn (thuộc tổ hợp môn xét tuyển) của các năm lớp 10, 11, 12. Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển căn cứ theo các tiêu chí và theo chỉ tiêu được quy định, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp.
- Các ngành/nhóm ngành đào tạo bằng tiếng Anh: Thí sinh phải thỏa mãn các điều kiện về ngoại ngữ:
 - **Áp dụng cho các CT Dạy & học bằng tiếng Anh, Tiên tiến, Chuyển tiếp Quốc tế Úc/ Mỹ/ New Zealand**

1. Yêu cầu tối thiểu: IELTS Academic 6.0/ TOEFL iBT 79/ TOEIC Nghe-Đọc 730 & Nói-Viết 280

2. Trường hợp đạt IELTS Academic 5.5/ TOEFL iBT 60/ TOEIC Nghe-Đọc 590 và Nói-Viết 230/ Duolingo 95/ Linguaskill và FCE 167/ PTE 42/ CAE 180:

- Thí sinh được xét tạm đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào các chương trình trên.
- Thí sinh phải bổ sung chứng chỉ đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào trong vòng 01 học kỳ.

Lưu ý: Nhà trường chỉ chấp nhận các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế học thuật (Academic).

CÁCH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Trước 17g00, ngày 30/06/2025, các thí sinh thực hiện đăng ký dự tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT theo các bước sau:

Bước 1: Truy cập cổng đăng ký tuyển sinh của trường ĐH Bách khoa (mybk.hcmut.edu.vn >> Mục 10. Đăng ký Xét tuyển ĐH-CD hoặc mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh) điền thông tin xét tuyển:

- Điền các thông tin cá nhân: ở mục “**Sơ yếu lý lịch**”
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2025, điền thêm các thông tin ở mục “**Học bạ THPT**”
- Tải lên “**Hồ sơ ảnh**”: các hình ảnh minh chứng khen thưởng, thành tích học tập, năng khiếu, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế,... (nếu có). Đối với các thí sinh đoạt giải cuộc thi Khoa học Kỹ thuật quốc gia, cần nộp bản thuyết minh đề tài đoạt giải (bản nộp cho Ban tổ chức để chấm giải) tại mục “**Bài luận**” trong mục “**Thông tin xét tuyển**” hoặc đăng tải hình ảnh trong mục “**Hồ sơ ảnh**”.
- Điền **Thông tin xét tuyển** theo mẫu

Lưu ý: Chọn **đúng đối tượng xét tuyển** theo quy định nêu trên của phương thức Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của trường

Bước 2: Tạo hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển (ở mục [Trang chủ >> Xét tuyển thẳng](#) (theo quy định của Bộ GD&ĐT))

Bước 3: In phiếu đăng ký “XÉT TUYỂN THĂNG BỘ GD&ĐT” theo mẫu và nộp Hồ sơ xét tuyển về trường ĐH Bách khoa theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, trường Đại học Bách Khoa, 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

- **Phiếu đăng ký “XÉT TUYỂN THĂNG BỘ GD&ĐT”** in từ hệ thống đăng ký xét tuyển của trường ĐH Bách khoa sau khi hoàn thành Bước 1 và Bước 2 (có đầy đủ chữ ký, hình cá nhân).
- **Bản sao học bạ 3 năm trung học phổ thông** (có đóng dấu xác nhận của trường THPT)

- Một trong các bản sao sau:
 - Chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế
 - Chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (theo quyết định của Bộ GD&ĐT)
 - Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia
 - Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia và bản tóm tắt thuyết minh đề tài đoạt giải
 - Giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.
- **Bản sao chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có).**

Bước 4: *(Chỉ thực hiện đối với thí sinh được công bố đủ điều kiện trúng tuyển)* Khi cổng đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT mở, thí sinh tiếp tục **ĐĂNG KÝ LẠI NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN** trên Cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>) bằng cách đăng nhập trực tiếp trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia **trước 17g00, ngày 28/7/2025** để nhà trường xét tuyển theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

CÁCH NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Thời gian nộp lệ phí xét tuyển: **Từ 29/7/2025 đến 17g00, ngày 05/8/2025**

Lệ phí xét tuyển: Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG

- Đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: **trước 17g00, ngày 30/06/2025**
- Đăng ký lại nguyện vọng xét tuyển *(Chỉ thực hiện đối với thí sinh được công bố đủ điều kiện trúng tuyển)*: **trước 17g00, ngày 28/07/2025**
- Nộp lệ phí xét tuyển: **từ 29/07/2025 - 17g00, ngày 05/08/2025**
- Công bố kết quả: Dự kiến từ **ngày 22/08/2025**
- Thí sinh xác nhận nhập học trên cổng Bộ GD&ĐT *(nếu đủ điều kiện trúng tuyển)* và nộp hồ sơ nhập học: **trước 17g00, ngày 30/08/2025**

PHƯƠNG THỨC 2: XÉT TUYỂN TỔNG HỢP

ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Chỉ tiêu: 95% - 99% tổng chỉ tiêu

Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

a) **Đối tượng dự tuyển đối với các chương trình:** Chương trình Tiêu chuẩn, Chương trình Dạy và học bằng Tiếng Anh, Chương trình Tiên tiến, Chương trình Định hướng Nhật Bản:

- Đối tượng 1: Thí sinh CÓ kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025
- Đối tượng 2: Thí sinh KHÔNG CÓ kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025
- Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài
- Đối tượng 4: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt nam, dùng Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế

b) Đối tượng dự tuyển đối với Chương trình Chuyển tiếp quốc tế:

- Đối tượng 5: Thí sinh dự tính du học nước ngoài theo Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế sang các trường đại học đối tác tại Úc, Mỹ, New Zealand

c) Đối tượng dự tuyển đối với Chương trình Liên kết Cử nhân Kỹ thuật Quốc tế giữa Trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM và Đại học Công nghệ Sydney UTS, Úc (TNE):

- Đối tượng 6: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam
- Đối tượng 7: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài
- Đối tượng 8: Thí sinh sử dụng Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế SAT I

Số lượng nguyện vọng đăng ký: không giới hạn.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Áp dụng cho tất cả đối tượng thuộc phương thức Xét tuyển Tổng hợp: **tổng điểm xét tuyển đạt từ 50 điểm/thang 100.**
- **Thí sinh dùng Chứng chỉ Tuyển sinh Quốc tế (đối tượng 3, đối tượng 4 và đối tượng 5)** phải có chứng chỉ tuyển sinh quốc tế (còn thời hạn trong vòng 02 năm) thỏa 01 trong các điều kiện sau:
 - SAT I từ 1184 điểm;
 - ACT từ 24 điểm;
 - IB (International Baccalaureate) từ 26 điểm;
 - A-Level đạt từ mức C trở lên;
 - Trường hợp thí sinh sử dụng các Chứng chỉ Quốc tế không nằm trong danh sách nêu trên: Hội đồng Tuyển sinh sẽ xem xét và đánh giá cụ thể theo từng trường hợp.
- **Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài (đối tượng 7)** phải có văn bằng/chứng chỉ tuyển sinh quốc tế (còn hiệu lực) đáp ứng 01 trong các điều kiện sau:
 - ATAR từ 75 điểm;
 - GCE A-Level từ 8 điểm;
 - IB (International Baccalaureate) từ 26 điểm hoặc Predicted IB từ 31 điểm;
 - SAT I (Hoa Kỳ) từ 1120 điểm;
 - ACT từ 21 điểm;

- BC từ 74 điểm;
 - OSSD (Ontario Secondary School Diploma) từ 74 điểm;
 - French Baccalauréat từ 11.4 điểm.
- Chuẩn đầu vào tiếng Anh** đối với thí sinh dự tuyển vào **Chương trình Tiên tiến, Chương trình Dạy và học bằng tiếng Anh, Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế Úc/Mỹ/New Zealand**:
 - Yêu cầu tối thiểu: IELTS 6.0 Academic/ TOEFL iBT 79/ TOEIC Nghe – Đọc 730 & Nói – Viết 280.
 - Trường hợp đạt IELTS Academic 5.5/ TOEFL iBT 60/ TOEIC Nghe - Đọc 590 và Nói - Viết 230/ Duolingo 95/ Linguaskill và FCE 167/ PTE 42/ CAE 180: Được xét tạm trúng tuyển các chương trình trên và phải hoàn thành yêu cầu bổ sung chuẩn tiếng Anh trong vòng 01 học kỳ.

Lưu ý: Nhà trường chỉ chấp nhận các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế học thuật (Academic).
- Chuẩn đầu vào tiếng Anh** đối với thí sinh dự tuyển vào **Chương trình Liên kết Cử nhân Kỹ thuật Quốc tế (TNE)**: thí sinh phải đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào (còn hiệu lực) thỏa 01 trong các điều kiện sau:
 - IELTS (Academic): 6.5 (Kỹ năng Viết đạt từ 6.0);
 - TOEFL iBT: 79 (phần kỹ năng viết đạt từ 21);
 - Pearson PTE: 58 (phần kỹ năng viết đạt từ 50);
 - Cambridge C1A/C2P: 176 (phần kỹ năng viết đạt từ 169);
 - UTS College AE5: Đạt.

CÔNG THỨC VÀ THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN

Điểm Xét tuyển: thang điểm 100, được tính theo công thức sau:

$$[\text{Điểm Xét tuyển}] = [\text{Điểm học lực}]^{(1)} + [\text{Điểm cộng}]^{(2)} + [\text{Điểm ưu tiên}]^{(3)}$$

Điểm học lực⁽¹⁾: Thang điểm 100, được tính như sau:

$$[\text{Điểm học lực}] = [\text{Điểm năng lực}] \times 70\% + [\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] \times 20\% + [\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] \times 10\%$$

Điểm cộng⁽²⁾:

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt **không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển** (tối đa 10 điểm đối với thang 100).

- Thí sinh có **$[\text{Điểm học lực}] + [\text{Điểm cộng thành tích}] < 100$ điểm:**

$$\text{Điểm cộng} = [\text{Điểm cộng thành tích}]$$

- Thí sinh có **$[\text{Điểm học lực}] + [\text{Điểm cộng thành tích}] \geq 100$ điểm:**

$$\text{Điểm cộng} = 100 - [\text{Điểm học lực}]$$

Trong đó, [Điểm cộng thành tích] được xét từ các thành tích khác, văn-thể-mỹ, hoạt động xã hội: **tối đa 10 điểm, thang 100** (do Hội đồng tuyển sinh quyết định tùy theo lượng hồ sơ xét tuyển và thành tích của thí sinh).

Lưu ý:

- Thí sinh thuộc diện Ưu tiên Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT được xét điểm cộng thành tích theo cách tính của phương thức Xét tuyển Tổng hợp và chỉ được cộng một lần duy nhất.
- Chứng chỉ Ngoại ngữ chỉ được sử dụng để quy đổi trong điểm xét tuyển, không dùng trong tính điểm cộng.

Điểm ưu tiên⁽³⁾:

- Thí sinh có [Điểm học lực] + [Điểm cộng] < 75 điểm: Điểm ưu tiên = [Điểm ưu tiên quy đổi]
- Thí sinh có [Điểm học lực] + [Điểm cộng] ≥ 75 điểm: Điểm ưu tiên = (100 - [Điểm học lực] - [Điểm cộng])/25 × [Điểm ưu tiên quy đổi], làm tròn đến 0.01

Trong đó, Điểm ưu tiên quy đổi được tính như sau:

$$\text{Điểm ưu tiên quy đổi} = [\text{Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng)}]/3 \times 10$$

- Điểm ưu tiên quy đổi:** tối đa 9.17 điểm/thang 100 (quy đổi từ mức tối đa 2.75 điểm/thang điểm 30 theo quy chế của Bộ GD&ĐT).

QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH

Thí sinh có chứng chỉ IELTS Academic ≥ 5.0/ TOEFL iBT ≥ 46/ TOEIC nghe - đọc ≥ 460 & nói - viết ≥ 200 sẽ được quy đổi sang điểm tương ứng của môn tiếng Anh trong điểm thi tốt nghiệp THPT và học bạ THPT đối với các tổ hợp xét tuyển có dùng môn tiếng Anh >> **Bảng quy đổi điểm môn tiếng Anh trong học bạ và điểm thi THPT.**

Trường ĐH Bách khoa - ĐHQG-HCM áp dụng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (còn hiệu lực) sang điểm thi môn Tiếng Anh trong xét tuyển đại học chính quy.

Theo đó, thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh (CCTA) IELTS Academic ≥ 5.0/ TOEFL iBT ≥ 46/ TOEIC Nghe – Đọc ≥ 460 & Nói – Viết ≥ 200 sẽ được quy đổi sang điểm môn tiếng Anh trong điểm thi tốt nghiệp THPT và kết quả học tập cấp THPT đối với các tổ hợp xét tuyển có dùng môn tiếng Anh (thang 10).

Bảng quy đổi điểm từ các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế như sau:

	IELTS		TOEIC	
--	-------	--	-------	--

Loại chứng chỉ	Academic	TOEFL iBT	Nghe & Đọc	Nói & Viết	Điểm môn tiếng Anh trong học bạ và thi THPT
Điểm	6.0	79	730	280	10
		75-78	700-725	270	9.8
		71-74	670-695	260	9.6
		67-70	640-665	250	9.4
		63-66	610-635	240	9.2
	5.5	60-62	590-605	230	9.0
		57-59	565-585		8.8
		54-56	540-560		8.6
		51-53	515-535		8.4
		48-50	490-510		8.2
	5.0	46-47	460-485	200	8.0

Ghi chú:

Đối với chứng chỉ TOEIC, để quy đổi tương đương, cả 02 cặp điểm thành phần Nghe – Đọc và Nói – Viết phải **đồng thời đạt** điểm CCTA theo quy định. Trường hợp chỉ một trong hai cặp đạt yêu cầu, điểm quy đổi môn Tiếng Anh sẽ được xác định theo cặp điểm thành phần có mức thấp hơn.

CÁCH NỘP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH

Thí sinh đăng nhập vào cổng thông tin điện tử của Trường ĐHBK (mybk.hcmut.edu.vn >> Mục 10. Đăng ký Xét tuyển ĐH-CD hoặc mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh) để khai báo thông tin chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và tải lên hình ảnh chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

A) ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH: CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN, CHƯƠNG TRÌNH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH, CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN, CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG NHẬT BẢN

Đối tượng 1: Thí sinh CÓ kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025

$$[\text{Điểm năng lực}] = [\text{Điểm ĐGNL có hệ số Toán} \times 2] / 15$$

$$[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Tổng điểm thi 3 môn TNTHPT trong tổ hợp}] / 3 \times 10$$

$[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Điểm ĐGNL ĐHQG-HCM và kết quả thi Tốt nghiệp THPT dùng trong xét tuyển phải là kết quả của năm 2025. Đối với điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025, thí sinh thi theo dạng đề được quy định (và theo lựa chọn của thí sinh).

Đối tượng 2: Thí sinh KHÔNG CÓ kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025

$[\text{Điểm năng lực}] = [\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] \times 0.75$

$[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Tổng điểm thi 3 môn TNTHPT trong tổ hợp}] / 3 \times 10$

$[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Kết quả thi Tốt nghiệp THPT dùng trong xét tuyển phải là kết quả của năm 2025. Đối với điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2025, thí sinh thi theo dạng đề được quy định (và theo lựa chọn của thí sinh).

Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài

$[\text{Điểm năng lực}] = [\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}]$

$[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}]:$

- Thí sinh **CÓ** chứng chỉ tuyển sinh quốc tế: quy đổi điểm Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế về thang điểm 100.
- Thí sinh **KHÔNG CÓ** chứng chỉ tuyển sinh quốc tế: $[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}]$

$[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023 thì cần có chứng chỉ tuyển sinh quốc tế theo quy định tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Trường hợp thí sinh sử dụng các Chứng chỉ Quốc tế không nằm trong danh sách nêu trên, Hội đồng Tuyển sinh sẽ xem xét và đánh giá cụ thể theo từng trường hợp

Đối tượng 4: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam, dùng Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế

$[\text{Điểm năng lực}] = [\text{Điểm Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế}]$

$[\text{Điểm chứng chỉ tuyển sinh quốc tế}]$ được quy đổi về thang điểm 100

$[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Tổng điểm thi 3 môn TNTHPT trong tổ hợp}] / 3 \times 10$

$[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Thí sinh có điểm các môn thi trong tổ hợp xét tuyển thuộc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Bảng quy đổi Chứng chỉ Tuyển sinh Quốc tế sang thang điểm 100 (áp dụng cho đối tượng 3, đối tượng 4 và đối tượng 5):

Thang điểm chứng chỉ SAT	Thang điểm chứng chỉ ACT	Thang điểm chứng chỉ IB	Thang điểm chứng chỉ A-Level	Điểm quy đổi ra thang điểm 100
1600	36	42		100
1584				99
1568	35	41		98
1552				97
1536		40		96
1520	34		A*	95

Thang điểm chứng chỉ SAT	Thang điểm chứng chỉ ACT	Thang điểm chứng chỉ IB	Thang điểm chứng chỉ A- Level	Điểm quy đổi ra thang điểm 100
1504		39		94
1488	33			93
1472				92
1456		38		91
1440	32			90
1424		37		89
1408	31			88
1392				87
1376	30	36		86
1360			A	85
1344	29	35		84
1328				83
1312	28	34		82
1296	27			81
1280				80
1264		33		79
1248	26			78
1232		32		77
1216	25			76
1200			B	75
1184	24	31		74
				73
				72
		30		71
				70
		29		69
				68
		28		67
				66
			C	65
		27		64
				63
		26		62

B) ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP QUỐC TẾ

Đối tượng 5: Thí sinh dự tính du học nước ngoài theo Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế sang các trường đại học đối tác tại Úc, Mỹ, New Zealand

$$[\text{Điểm năng lực}] = [\text{Điểm phỏng vấn}] \times 0.5 + [\text{Điểm bài luận}] \times 0.3 + [\text{Điểm CCTA}_{\text{quy đổi}}] \times 0.2$$

[Điểm phỏng vấn]: Trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên trong Tiểu ban chuyên môn.

[Điểm bài luận]: Tiểu ban chuyên môn sẽ xem xét và đánh giá cụ thể theo từng trường hợp

[Điểm CCTA_{quy đổi}] được tính theo bảng sau:

IELTS Academic	TOEFL iBT (Ngoại trừ home edition)	Điểm quy đổi
≥ 7.5	110-120	100
7.0	101-109	90
6.5	93-100	80
6.0	79-92	0

[Điểm TNTHPT_{quy đổi}]:

- Thí sinh tốt nghiệp chương trình **THPT Việt Nam**: [Điểm TNTHPT_{quy đổi}] = [Tổng điểm thi 3 môn TN THPT theo tổ hợp] / 3×10
- Thí sinh tốt nghiệp theo chương trình **THPT nước ngoài và CÓ chứng chỉ tuyển sinh quốc tế**: quy đổi điểm Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế về thang điểm 100 (xem **Bảng quy đổi Chứng chỉ Tuyển sinh Quốc tế sang thang điểm 100** tại mục a). Trường hợp thí sinh sử dụng các chứng chỉ quốc tế không nằm trong danh sách nêu trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và đánh giá cụ thể theo từng trường hợp.
- Thí sinh tốt nghiệp theo chương trình **THPT nước ngoài và KHÔNG CÓ chứng chỉ tuyển sinh quốc tế**: [Điểm TNTHPT_{quy đổi}] = [Điểm học THPT_{quy đổi}]

$$[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$$

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam: có điểm các môn thi trong tổ hợp xét tuyển thuộc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
- Đối với thí sinh **tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài**: Năm thi tốt nghiệp THPT và chứng chỉ tuyển sinh quốc tế của thí sinh **không quá 02 năm** so với năm dự tuyển

C) ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT CỬ NHÂN KỸ THUẬT QUỐC TẾ GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐHQG-HCM VÀ ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SYDNEY UTS, ÚC (TNE)

Đối tượng 6: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam

$$[\text{Điểm học lực}] = [\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] \times 20\% + [\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] \times 80\%$$

Trong đó:

- $[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$
- $[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Tổng điểm thi 3 môn TNTHPT trong tổ hợp}] / 3 \times 10$
- **Điểm môn tiếng Anh** trong điểm thi tốt nghiệp THPT và học bạ THPT đối với các tổ hợp xét tuyển có dùng môn tiếng Anh **được quy đổi là 10 điểm**.

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- Thí sinh **phải có điểm trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên**

Đối tượng 7: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài

$$[\text{Điểm học lực}] = [\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] \times 80\% + [\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}] \times 20\%$$

Trong đó:

- $[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$
- $[\text{Điểm TNTHPT}_{\text{quy đổi}}]$ theo **Bảng quy đổi Văn bằng/Chứng chỉ quốc tế sang hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR)**
- **Điểm môn tiếng Anh** trong điểm thi tốt nghiệp THPT và học lực THPT đối với các tổ hợp xét tuyển có dùng môn tiếng Anh **được quy đổi là 10 điểm**.

Lưu ý: Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

Đối tượng 8: Thí sinh dùng Chứng chỉ Tuyển sinh Quốc tế SAT I

$$[\text{Điểm học lực}] = [\text{Điểm Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế}] \times 70\% + [\text{Điểm THPT}_{\text{quy đổi}}] \times 30\%$$

Trong đó:

- **[Điểm Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế]** theo **Bảng quy đổi Văn bằng/Chứng chỉ quốc tế sang hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR)**
- $[\text{Điểm học THPT}_{\text{quy đổi}}] = [\text{Trung bình cộng điểm TB lớp 10, 11, 12 các môn trong tổ hợp}] \times 10$
- **Điểm môn tiếng Anh** trong điểm thi tốt nghiệp THPT và học lực THPT đối với các tổ hợp xét tuyển có dùng môn tiếng Anh **được quy đổi là 10 điểm.**

Lưu ý:

- Thí sinh phải thỏa các điều kiện tại **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**
- **Thí sinh tốt nghiệp THPT và có điểm thi SAT I từ 1120 điểm trở lên (còn hiệu lực).**
- Được Khoa chuyên môn của trường UTS đồng ý xét duyệt (dựa trên năng lực học tập cùng điểm của chứng chỉ tuyển sinh quốc tế theo quy định hiện hành)

Bảng quy đổi Văn bằng/Chứng chỉ quốc tế sang hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR), thang điểm 100. Chỉ áp dụng với các đối tượng xét tuyển vào Chương trình Liên kết cử nhân kỹ thuật Quốc tế năm 2025 - TNE (Đối tượng 6, Đối tượng 7, và Đối tượng 8).

Thang điểm các loại Văn bằng/Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế (Chỉ áp dụng đối với các đối tượng xét tuyển vào Chương trình TNE)								Hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR)
GCE A Level	IB	IB Predicted	ACT	BC	SAT I	OSSD	French Baccalauréat	
	45	45	36	7	1570-1600	100	20	99.95
					1550-1560		19.6-19.9	99.90
					1540		19.4-19.5	99.85
					1530		19.2-19.3	99.80
					1520		19-19.1	99.75
						99	18.9	99.70
					1510		18.8	99.65
							18.7	99.60
							18.6	99.55
	44	44	35		1500	98	18.5	99.50
					1490		18.4	99.40

[illegible]

Thang điểm các loại Văn bằng/Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế (Chỉ áp dụng đối với các đối tượng xét tuyển vào Chương trình TNE)								Hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR)
GCE A Level	IB	IB Predicted	ACT	BC	SAT I	OSSD	French Baccalauréat	
13				6.4		85		93.00
							15	92.75
					1300			92.60
							14.9	92.30
							14.8	92.05
12.5								92.00
			28		1290			91.95
	36	36						91.75
							14.7	91.70
							14.6	91.30
					1280			91.25
						84		91.00
							14.5	90.95
					1270			90.55
							14.4	90.45
	35	35	27					90.25
							14.3	90.15
12				6.2		83		90.00
					1260		14.2	89.75
							14.1	89.30
11.5						82		89.00
					1250			88.95
							14	88.85
	34	34						88.80
			26					88.30
					1240			88.10
11				6				88.00
							13.9	87.60
							13.8	87.55
							13.7	87.35
					1230			87.25
	33	33						87.15
						81		87.00
							13.5	86.60
					1220			86.30

Thang điểm các loại Văn bằng/Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế (Chỉ áp dụng đối với các đối tượng xét tuyển vào Chương trình TNE)								Hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR)
GCE A Level	IB	IB Predicted	ACT	BC	SAT I	OSSD	French Baccalauréat	
			25					86.05
10.5				5.8		80	13.4	86.00
							13.3	85.65
	32	32						85.40
					1210			85.35
							13.2	85.15
10						79		85.00
							13.1	84.60
					1200			84.35
							13	84.10
9.5								84.00
			24					83.55
							12.9	83.45
	31	31						83.35
					1190			83.30
9				5.6		78		83.00
							12.8	82.45
					1180			82.25
8.5								82.00
							12.6	81.90
	30							81.45
							12.5	81.35
					1170			81.10
8				5.4		77		81.00
			23					80.75
							12.4	80.65
							12.3	80.15
					1160			79.95
							12.2	79.60
				5.2				79.00
							12.1	78.95
					1150			78.75
	29							78.60
							12	78.35
						76		78.00

Thang điểm các loại Văn bằng/Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế (Chỉ áp dụng đối với các đối tượng xét tuyển vào Chương trình TNE)								Hệ thống điểm chuẩn đầu vào của UTS (ATAR)
GCE A Level	IB	IB Predicted	ACT	BC	SAT I	OSSD	French Baccalauréat	
			22					77.70
					1140			77.55
							11.9	76.75
							11.8	76.65
							11.7	76.30
					1130			76.25
	28			5				76.05
						75		76.00
							11.5	75.75
							11.4	75.20
	26-27		21	4.8	1120	74		75.00

NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Nếu thí sinh có **nhiều hơn một đối tượng xét tuyển (đã nêu trên) hoặc tổ hợp** thì lấy điểm xét tuyển cao nhất trong các điểm xét tuyển của từng đối tượng/ tổ hợp làm điểm xét tuyển của thí sinh.
- Trường hợp **thí sinh ở cấp THPT học thiếu môn trong tổ hợp xét tuyển** (do thay đổi môn học ở năm lớp 11 hoặc 12), thí sinh chỉ có 07 - 08 cột điểm so với thí sinh bình thường (có 09 cột điểm).
- Trường hợp thí sinh **tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài năm 2025, dự kiến có kết quả tốt nghiệp vào tháng 11**: Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét quy đổi kết quả dự đoán (như A-Level predicted, IB predicted,...) sang điểm tốt nghiệp THPT. Trong trường hợp hậu kiểm cho thấy **bằng tốt nghiệp của thí sinh không đáp ứng điều kiện trúng tuyển**, Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG-HCM sẽ hủy kết quả trúng tuyển và không công nhận sinh viên.
- Trong trường hợp nhà trường chưa tuyển đủ chỉ tiêu** đối với các ngành thuộc Chương trình Tiên tiến, Chương trình Dạy và học bằng Tiếng Anh, Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế sang Úc/ Mỹ/ New Zealand, Chương trình Chuyển tiếp Quốc tế Nhật Bản, Chương trình Định hướng Nhật Bản: nhà trường sẽ **tổ chức xét tuyển bổ sung** đối với các thí sinh thỏa các điều kiện như sau (*ưu tiên thí sinh trúng tuyển ngành tương ứng với ngành dự tuyển*):
 - Đã trúng tuyển chính thức vào Chương trình Tiêu chuẩn** trong cùng năm xét tuyển, có nguyện vọng xét tuyển bổ sung vào các chương trình kể trên;
 - Thỏa chuẩn Anh Văn đầu vào**;

- Điểm xét tuyển của sinh viên phải bằng hoặc lớn hơn điểm trúng tuyển của ngành dự tuyển.

CÁCH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN, NỘP LỆ PHÍ VÀ CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG

a) Các thí sinh thuộc Đối tượng 1 và Đối tượng 2

Trước 17g00, ngày 28/7/2025 các thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo các bước sau:

Bước 1: Truy cập cổng đăng ký tuyển sinh của trường ĐH Bách khoa

(mybk.hcmut.edu.vn >> Mục 10. Đăng ký Xét tuyển ĐH-

CD hoặc mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh) để điền thông tin bổ sung cho hồ sơ xét tuyển (nếu có).

- Điền các thông tin cá nhân: ở mục “Sơ yếu lý lịch”
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2025, điền thêm các thông tin ở mục “Học bạ THPT”
- Tải lên “**Hồ sơ ảnh**”: các hình ảnh minh chứng khen thưởng, thành tích học tập, năng khiếu, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế,... (nếu có)
- Điền thông tin và tải hình ảnh **chứng chỉ ngoại ngữ** (nếu có) lên hồ sơ ảnh để được quy đổi điểm môn tiếng Anh trong học bạ THPT và kết quả thi TN THPT

Bước 2: từ **ngày 16/07/2025 đến 17g00, ngày 28/7/2025**, thí sinh **đăng ký và điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển** (*không giới hạn số lần*) trên Cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>) bằng cách đăng nhập trực tiếp trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia

Bước 3: Từ **ngày 29/07/2025 đến 17g00, ngày 05/08/2025**, thí sinh **nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Các mốc thời gian quan trọng:

- Đăng ký xét tuyển: **trước 17g00, ngày 28/07/2025**
- Đăng ký và điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển: từ **ngày 16/07/2025 - 17g00, ngày 28/07/2025**
- Nộp lệ phí xét tuyển: **từ 29/07/2025 - 17g00, ngày 05/08/2025**
- Công bố kết quả: Dự kiến từ **ngày 22/08/2025**
- Thí sinh xác nhận nhập học trên cổng Bộ GD&ĐT (*nếu đủ điều kiện trúng tuyển*) và nộp hồ sơ nhập học: **trước 17g00, ngày 30/08/2025**

b) Các thí sinh thuộc Đối tượng 3 và Đối tượng 4

Trước 17g00, ngày 12/7/2025, các thí sinh thực hiện đăng ký dự tuyển theo các bước sau:

Bước 1: Truy cập cổng đăng ký tuyển sinh của trường ĐH Bách khoa

(mybk.hcmut.edu.vn >> Mục 10. Đăng ký Xét tuyển ĐH-

CD hoặc mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh) để điền thông tin cho hồ sơ xét tuyển.

- Điền các thông tin cá nhân: ở mục “**Sơ yếu lý lịch**”
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2025, điền thêm các thông tin ở mục “**Học bạ THPT**”
- Tải lên “**Hồ sơ ảnh**”: các hình ảnh minh chứng khen thưởng, thành tích học tập, năng khiếu, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế,... (nếu có)

Bước 2: Tạo hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển (ở mục [Trang chủ >> XÉT TUYỂN THÍ SINH NƯỚC NGOÀI/ CHỨNG CHỈ TUYỂN SINH QUỐC TẾ \(SAT I, ACT, IB,...\)](#))

Bước 3: In phiếu đăng ký “THÍ SINH NƯỚC NGOÀI/ CHỨNG CHỈ TUYỂN SINH QUỐC TẾ - (ĐT3-THOP, ĐT4-THOP)” theo mẫu và nộp Hồ sơ dự tuyển theo một trong hai cách sau:

- Trực tiếp tại Văn phòng Đào tạo Quốc tế - Kiosk OISP, Khu B2, Trường Đại học Bách Khoa, 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.
- Trực tuyến qua email:
 - Thí sinh chụp đầy đủ các mặt của hồ sơ, đặt tên file theo thứ tự, soạn e-mail với tiêu đề **HS_TSNN ĐT3_[Họ và tên] hoặc HS_CCTSQT ĐT4_[Họ và tên]**
 - Gửi hồ sơ đến địa chỉ email: isp_admission@hcmut.edu.vn

Bộ hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Phiếu đăng ký “THÍ SINH NƯỚC NGOÀI/ CHỨNG CHỈ TUYỂN SINH QUỐC TẾ - (ĐT3-THOP, ĐT4-THOP)” được in từ hệ thống đăng ký xét tuyển của trường ĐH Bách khoa sau khi hoàn thành Bước 1 và Bước 2 *(có đầy đủ chữ ký, hình cá nhân)*
- Bản sao công chứng Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với thí sinh quốc tịch nước ngoài
- Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc bản sao công chứng dịch thuật sang tiếng Việt đối với thí sinh nước ngoài
- Bản sao công chứng Bằng Tốt nghiệp THPT hoặc bản sao công chứng dịch thuật sang tiếng Việt đối với thí sinh nước ngoài *(nếu có)*
- Bản sao và bản gốc Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế (được gửi từ đơn vị cấp chứng chỉ tới Trường Đại học Bách khoa, xem hướng dẫn Cách nộp văn bằng/chứng chỉ tuyển sinh quốc tế khi dự tuyển bên dưới)
- Bản sao Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế/ kết quả thi DET
- Hồ sơ minh chứng các thành tích khác *(nếu có)*

Bước 4: Khi cổng đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT mở, thí sinh tiếp tục **ĐĂNG KÝ LẠI NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN** trên Cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>) bằng cách đăng nhập trực tiếp trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia **trước 17g00, ngày 28/7/2025** để nhà trường xét tuyển theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

Bước 5: Từ **ngày 29/07/2025 đến 17g00, ngày 05/08/2025**, thí sinh **nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Các mốc thời gian quan trọng:

- Đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: **trước 17g00, ngày 12/07/2025**
- Đăng ký lại nguyện vọng xét tuyển: **trước 17g00, ngày 28/07/2025**
- Nộp lệ phí xét tuyển: **từ 29/07/2025 - 17g00, ngày 05/08/2025**
- Công bố kết quả: Dự kiến từ **ngày 22/08/2025**
- Thí sinh xác nhận nhập học trên cổng Bộ GD&ĐT (*nếu đủ điều kiện trúng tuyển*) và nộp hồ sơ nhập học: **trước 17g00, ngày 30/08/2025**

c) Các thí sinh thuộc Đối tượng 5

Trước 17g00, ngày 30/6/2025 các thí sinh thực hiện đăng ký dự tuyển theo các bước sau:

Bước 1: Truy cập cổng đăng ký tuyển sinh của trường ĐH Bách khoa

(mybk.hcmut.edu.vn >> Mục 10. Đăng ký Xét tuyển ĐH-CD hoặc mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh) để điền thông tin bổ sung cho hồ sơ xét tuyển (nếu có).

- Điền các thông tin cá nhân: ở mục “**Sơ yếu lý lịch**”
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2025, điền thêm các thông tin ở mục “**Học bạ THPT**”
- Tải lên “**Hồ sơ ảnh**”: các hình ảnh minh chứng khen thưởng, thành tích học tập, năng khiếu, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế,... (nếu có)

Bước 2: Tạo hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển (ở mục [Trang chủ >> XÉT TUYỂN THÍ SINH VÀO CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP QUỐC TẾ](#))

Bước 3: In phiếu đăng ký “**XÉT TUYỂN CHUYỂN TIẾP QUỐC TẾ - (ĐT5-THOP)**” theo mẫu và nộp Hồ sơ dự tuyển về trường theo một trong hai cách sau:

- Trực tiếp tại Văn phòng Đào tạo Quốc tế - Kiosk OISP, Khu B2, Trường Đại học Bách Khoa, 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.
- Trực tuyến qua email:
 - Thí sinh chụp đầy đủ các mặt của hồ sơ, đặt tên file theo thứ tự, soạn e-mail với tiêu đề **HS_CTQT ĐT5_[Họ và tên]**.
 - Gửi hồ sơ đến địa chỉ email: dtqt_tuvan@hcmut.edu.vn

Bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

- **Phiếu đăng ký “XÉT TUYỂN CHUYỂN TIẾP QUỐC TẾ - (ĐT5-THOP)”** được in từ hệ thống đăng ký xét tuyển của trường ĐH Bách khoa sau khi hoàn thành Bước 1 và Bước 2 (*có đầy đủ chữ ký, hình cá nhân*)

- Bản sao công chứng Học bạ THPT
- Bài luận giới thiệu bản thân
- Bản sao công chứng Căn cước công dân
- Bản sao Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế/ kết quả thi DET
- Hồ sơ minh chứng các thành tích khác (nếu có)

Bước 4: Tham gia phỏng vấn với Hội Đồng tuyển sinh dự kiến trong khoảng từ **ngày 01 - 10/7/2025**. Lịch phỏng vấn sẽ được gửi cụ thể đến thí sinh trước 1-2 ngày phỏng vấn.

Bước 5 (Chỉ thực hiện đối với thí sinh được công bố đủ điều kiện dự tuyển): Khi cổng đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT mở, thí sinh tiếp tục **ĐĂNG KÝ LẠI NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN** trên Cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>) bằng cách đăng nhập trực tiếp trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia **trước 17g00, ngày 28/7/2025** để nhà trường xét tuyển theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

Bước 6: Từ **ngày 29/07/2025 đến 17g00, ngày 05/08/2025**, thí sinh **nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Các mốc thời gian quan trọng:

- Đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: **trước 17g00, ngày 30/06/2025**
- Tham gia phỏng vấn với Hội đồng tuyển sinh: Dự kiến từ **ngày 01 - 10/07/2025**
- Đăng ký lại nguyện vọng xét tuyển: **trước 17g00, ngày 28/07/2025**
- Nộp lệ phí xét tuyển: **từ 29/07/2025 - 17g00, ngày 05/08/2025**
- Công bố kết quả: Dự kiến từ **ngày 22/08/2025**
- Thí sinh xác nhận nhập học trên cổng Bộ GD&ĐT (nếu đủ điều kiện trúng tuyển) và nộp hồ sơ nhập học: **trước 17g00, ngày 30/08/2025**

d) Các thí sinh thuộc Đối tượng 6, Đối tượng 7 và Đối tượng 8

Trước 17g00, ngày 11/07/2025 (riêng **Đối tượng 8 thời hạn trước 17g00, ngày 09/07/2025**) các thí sinh thực hiện đăng ký dự tuyển theo các bước sau:

Bước 1: Truy cập cổng đăng ký tuyển sinh của trường ĐH Bách khoa

(mybk.hcmut.edu.vn >> Mục 10. Đăng ký Xét tuyển ĐH-

CD hoặc mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh) để điền thông tin bổ sung cho hồ sơ xét tuyển

- Điền các thông tin cá nhân: ở mục **“Sơ yếu lý lịch”**
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2025, điền thêm các thông tin ở mục **“Học bạ THPT”**
- Tải lên **“Hồ sơ ảnh”**: các hình ảnh minh chứng khen thưởng, thành tích học tập, năng khiếu, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế,... (nếu có)
 - **Lưu ý:** Học bạ THPT cần dịch sang tiếng Anh công chứng.

Bước 2: Tạo hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển (ở mục [Trang chủ >> XÉT TUYỂN THÍ SINH VÀO CHƯƠNG TRÌNH TNE](#))

Bước 3: In phiếu đăng ký “XÉT TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH TNE - (ĐT6,7,8-THOP)” theo mẫu và nộp Hồ sơ dự tuyển về trường theo một trong hai cách:

- Trực tiếp tại Văn phòng Đào tạo Quốc tế - Kiosk OISP, Khu B2, Trường Đại học Bách Khoa, 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.
- Trực tuyến qua email:
 - Thí sinh chụp đầy đủ các mặt của hồ sơ, đặt tên file theo thứ tự, soạn e-mail với tiêu đề **HS_TNE 2025_[Họ và tên]**.
 - Gửi hồ sơ đến địa chỉ email: tne_admission@hcmut.edu.vn

Bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

- **Phiếu đăng ký “XÉT TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH TNE - (ĐT6,7,8-THOP)”** được in từ hệ thống đăng ký xét tuyển của trường ĐH Bách khoa sau khi hoàn thành Bước 1 và Bước 2 *(có đầy đủ chữ ký, hình cá nhân)*
- **Bản sao công chứng học bạ 3 năm THPT. Riêng bảng điểm học bạ năm lớp 12 cung cấp bản dịch tiếng Anh sao y công chứng**
- **Bản sao công chứng Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu**
- **Hồ sơ minh chứng các thành tích khác (nếu có)**
- **Bản sao và bản gốc Chứng chỉ tuyển sinh quốc tế** (được gửi từ đơn vị cấp chứng chỉ tới Trường Đại học Bách khoa, xem hướng dẫn Cách nộp văn bằng/chứng chỉ tuyển sinh quốc tế khi dự tuyển bên dưới)
- **Bản sao chứng chỉ ngoại ngữ**
- **Hồ sơ minh chứng các thành tích khác (nếu có)**

Bước 4: *(Chỉ thực hiện đối với thí sinh được công bố đủ điều kiện trúng tuyển)* Khi công đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT mở, thí sinh tiếp tục **ĐĂNG KÝ LẠI NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN** trên Cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>) bằng cách đăng nhập trực tiếp trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia **trước 17g00, ngày 28/7/2025** để nhà trường xét tuyển theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

Bước 5: Từ **ngày 29/07/2025 đến 17g00, ngày 05/08/2025**, thí sinh **nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Các mốc thời gian quan trọng:

- Đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: **Trước 17g00, ngày 11/07/2025** (riêng **Đối tượng 8 thời hạn trước 17g00, ngày 09/07/2025**)
- Đăng ký lại nguyện vọng xét tuyển: **trước 17g00, ngày 28/07/2025**
- Nộp lệ phí xét tuyển: **từ 29/07/2025 - 17g00, ngày 05/08/2025**
- Công bố kết quả: Dự kiến từ **ngày 22/08/2025**

- Thí sinh xác nhận nhập học trên cổng Bộ GD&ĐT (nếu đủ điều kiện trúng tuyển) và nộp hồ sơ nhập học: **trước 17g00, ngày 30/08/2025**

CÁCH NỘP VĂN BẰNG/CHỨNG CHỈ TUYỂN SINH QUỐC TẾ KHI DỰ TUYỂN

- Đối với **chứng chỉ tuyển sinh quốc tế** (ngoại trừ A-Level và ATAR*), thí sinh cần liên hệ đơn vị cấp chứng chỉ để yêu cầu chuyển bản gốc chứng chỉ đến Trường ĐH Bách khoa. Thông tin Trường ĐH Bách khoa trên các hệ thống tiếp nhận chứng chỉ tuyển sinh quốc tế như sau:
 - + Ho Chi Minh City University of Technology
 - + IB: Institute Code 038864
 - + SAT: DI Code 7613
 - + ACT: 1797
- Đối với A-Level và ATAR, thí sinh chỉ cần nộp bản sao công chứng trong bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển.

PHƯƠNG THỨC 3: ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT - PHÁP (PFIEV) NĂM 2025

Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam (PFIEV) được thành lập theo nghị định thư 1997 ký ngày 12/11/1997 giữa hai chính phủ Pháp và Việt Nam. Chương trình được triển khai tại 4 trường đại học tại Việt Nam: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG-HCM, với sự cộng tác của 8 trường đại học tại Pháp.

Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam (PFIEV) có mục tiêu là đào tạo các kỹ sư nắm vững lý thuyết, giỏi thực hành, có năng lực quản lý và chuyên môn giỏi. Được đào tạo với kiến thức cơ bản vững chắc, có kiến thức liên ngành, kỹ sư từ chương trình PFIEV có tầm nhìn và có phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề tổng hợp, thích ứng với môi trường hoạt động liên ngành, đa văn hóa và những thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

Chương trình PFIEV tại trường Đại học Bách khoa - ĐHQG-HCM đào tạo 8 chuyên ngành với các trường đối tác Pháp như sau:

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Trường Đại học tại Pháp
-----	----------------------	-------------------------

1	Kỹ thuật điện (Viễn thông)	Trường IMT Atlantique Bretagne-Pays de la Loire. http://www.imt-atlantique.fr/
2	Kỹ thuật điện (Hệ thống Năng lượng điện)	Viện Bách khoa Quốc gia Toulouse (INPT) http://www.inp-toulouse.fr/
3	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ Điện tử)	Trường Bách khoa Quốc gia Grenoble (Grenoble INP) http://www.grenoble-inp.fr/
4	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	Trường Đại học Quốc gia Cơ khí và Hàng không (ISAE-ENSMA) https://www.ensma.fr/
5	Kỹ thuật Vật liệu (Vật liệu và Năng lượng)	Trường CentraleSupélec http://www.centralesupelec.fr/
6	Kỹ thuật Vật liệu (Vật liệu Polymer và Composite)	Trường Quốc gia Khoa học ứng dụng Lyon (INSA-Lyon) https://www.insa-lyon.fr/
7	Kỹ thuật Xây dựng (Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp và Hiệu quả Năng lượng)	Trường Quốc gia Khoa học ứng dụng Lyon (INSA-Lyon) https://www.insa-lyon.fr/ Trường Ponts ParisTech, (tiền thân là Trường Cầu đường Paris) http://www.enpc.fr/
8	Kỹ thuật Xây dựng (Kỹ thuật và Quản lý Nước đô thị)	Trường Bách khoa Quốc gia Grenoble (Grenoble INP) http://www.grenoble-inp.fr/

CÁCH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

- **Đối tượng tuyển sinh**
 - Sinh viên trúng tuyển vào trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM theo các phương thức xét tuyển vào bất kỳ ngành/nhóm ngành nào theo Quy định Tuyển sinh Đại học năm 2025 của trường:
 - Phương thức Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của Trường
 - Phương thức Xét tuyển Tổng hợp
 - Đối tượng 1: Trường hợp thí sinh có kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025

- Đối tượng 2: Trường hợp thí sinh không có kết quả thi Đánh giá Năng lực ĐHQG-HCM năm 2025
- Đối tượng 3: Trường hợp thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài
- Đối tượng 4: Trường hợp thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT Việt Nam, dùng Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế
- Đối tượng 5: Trường hợp xét tuyển các thí sinh vào chương trình Chuyển tiếp Quốc tế Úc/ Mỹ/ New Zealand của Trường

• **Điều kiện tuyển sinh**

- Sinh viên trúng tuyển bằng phương thức Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của Trường
- Hoặc sinh viên có điểm xét tuyển đạt điểm trúng tuyển của ngành dự định đăng ký xét tuyển chương trình PFIEV tương ứng với từng phương thức xét tuyển.
- Điểm sàn của ngành xét tuyển theo Chương trình PFIEV là điểm trúng tuyển của ngành tương ứng. Danh sách ngành (chuyên ngành) và điểm sàn xét tuyển tương ứng:

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Ngành được lấy làm điểm sàn xét tuyển
1	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	108: Điện - Điện tử - Viễn thông - Tự động hóa - Thiết kế Vi mạch
2	Kỹ thuật Điện (Hệ thống Năng lượng điện)	
3	Kỹ thuật Cơ khí (Cơ Điện tử)	110: Kỹ thuật Cơ Điện tử
4	Kỹ thuật Cơ khí (Hàng không)	145: (Song ngành) Tàu thủy - Hàng không
5	Kỹ thuật Vật liệu (Vật liệu và Năng lượng)	129: Kỹ thuật vật liệu
6	Kỹ thuật Vật liệu (Vật liệu Polymer và Composite)	
7	Kỹ thuật Xây dựng (Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp và Hiệu quả Năng lượng)	115: Xây dựng và Quản lý Dự án Xây dựng

8	Kỹ thuật Xây dựng (Kỹ thuật và Quản lý Nước đô thị)	
---	--	--

• **Nguyên tắc xét tuyển:**

- Xét tuyển theo nguyên tắc của phương thức Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của Trường
- Hoặc xét tuyển dựa trên điểm xét tuyển theo phương thức Xét tuyển tổng hợp (đối tượng 1, 2, 3, 4 & 5), xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao đến thấp và lấy đến khi đủ chỉ tiêu.
- Chương trình **xét tuyển ưu tiên** đối với các sinh viên:
 - Có **chứng chỉ tiếng Pháp tương đương DELF B1 hoặc bằng Tú tài Pháp**;
 - Tốt nghiệp THPT **chương trình song ngữ tiếng Pháp** (nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời);
 - **Đã học chương trình song ngữ tiếng Pháp** (nộp học bạ có xác nhận chương trình song ngữ).
 - Đăng ký điểm ưu tiên trong xét tuyển chương trình PFIEV: Đăng ký theo biểu mẫu **TẠI ĐÂY**

• **Chỉ tiêu:** 25 sinh viên/ngành

• **Cách thức đăng ký và lịch xét tuyển:**

- Sinh viên đăng ký từ **1 đến 3 nguyện vọng** theo hình thức trực tuyến tại cổng MyBK
(<https://mybk.hcmut.edu.vn/tuyensinh/login> >> Nhập học >> Chọn mục “Đăng ký học CT Việt-Pháp”)
- Đợt 1: Thông báo sau
- Đợt 2: Thông báo sau
- Đợt 3: Thông báo sau
- Công bố trúng tuyển:
 - Đợt 1: Thông báo sau
 - Đợt 2: Thông báo sau
 - Đợt 3: Thông báo sau
 - Các bạn sinh viên xem kết quả xét tuyển tại trang Facebook “[PFIEV ĐHBK TpHCM](#)” và thông qua email.

ĐIỂM ĐẶC BIỆT VÀ ƯU TIÊN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Sinh viên theo học tại **Cơ sở Lý Thường Kiệt**

- Ưu tiên trong việc xét đăng ký cư trú tại **Ký túc xá Đại học Bách khoa**, 497 Hoà Hảo, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mức học phí tương đương chương trình Tiêu chuẩn (**khoảng 15 triệu/học kỳ**)

- Sinh viên được **đào tạo 02 ngoại ngữ**, bao gồm: tiếng Anh (trong 2 năm đầu) và tiếng Pháp (trong 3 năm đầu) nếu chưa đạt chuẩn tốt nghiệp.
- Sinh viên có **cơ hội học 02 năm tại Pháp** theo chương trình bằng đôi với trường đối tác Pháp hoặc **thực tập tốt nghiệp tại Pháp trong 06 tháng** với học bổng vùng, học bổng EIFFEL, học bổng ERASMUS, v.v. Sinh viên xuất sắc có cơ hội thi đậu Đại học Bách khoa Palaiseau Paris (Ecole Polytechnique) **nhận bằng Kỹ sư trong 3 năm học tại Pháp**.
- Sinh viên được **khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu khoa học** từ nguồn kinh phí PFIEV. Hàng năm chương trình tổ chức Hội nghị Nghiên cứu Khoa học dành cho sinh viên PFIEV.

THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẬP

Thời gian đào tạo: 5 năm (10 học kỳ) gồm 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn 1** (02 năm đầu) Tất cả sinh viên học giống nhau, bao gồm các môn Giải tích, Vật lý, Ngoại ngữ Anh, Pháp, và môn chung thuộc khối kiến thức chính trị, xã hội, kinh tế và môi trường.
- **Giai đoạn 2** (03 năm cuối): Sinh viên học các môn thuộc nhóm ngành và chuyên ngành

Sinh viên có **03 kỳ thực tập**:

- **Thực tập Công nhân:** Vào học kỳ 4 hoặc hè cuối năm thứ 2
- **Thực tập Kỹ thuật:** Vào hè cuối năm thứ 3
- **Thực tập Kỹ sư:** 08 tuần trong nước hoặc 4 - 6 tháng ở nước ngoài kết hợp với luận văn tốt nghiệp

Kỳ thi Chuyển giai đoạn:

- Sinh viên tham gia kỳ thi chuyển giai đoạn vào học kỳ 4 (năm 2) được tổ chức chung với các trường Đại học thuộc Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam.
- Kết quả Kỳ thi Chuyển giai đoạn nhằm xác định việc sinh viên đạt trình độ của giai đoạn 1 và làm cơ sở xét duyệt trong trường hợp sinh viên muốn chuyển đến các trường thành viên thuộc chương trình PFIEV, hoặc chuyển ngành do Hội đồng Học vụ của chương trình PFIEV xem xét.

Ngôn ngữ Giảng dạy:

- Ngôn ngữ sử dụng trong đa số các môn học là tiếng Việt.
- Một số môn chuyên ngành vào năm cuối được giảng dạy bằng tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp do giảng viên của trường hoặc từ trường đối tác ở Pháp.

BẢNG CẤP VÀ KIỂM ĐỊNH QUỐC TẾ

- Sinh viên tốt nghiệp nhận **bằng Kỹ sư (tương đương bằng Thạc sĩ)** của trường và Phụ lục bằng Kỹ sư đồng ký kết giữa nhà trường và trường đối tác Pháp.
- Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam (PFIEV) được kiểm định và công nhận bởi:
 - Ủy ban Văn bằng Kỹ sư Pháp (Commission des Titres d'Ingénieur - CTI)
 - Cơ quan Kiểm định các chương trình đào tạo kỹ sư Châu Âu (European Network for Accreditation of Engineering Education ENAEE) công nhận thương hiệu chất lượng Châu Âu EUR-ACE Master
 - Bộ Giáo dục & Đào tạo xác nhận văn bằng PFIEV tương đương trình độ Thạc sĩ trong việc xét tuyển học tiếp lên trình độ cao hơn theo đúng ngành đào tạo.